

PHỤ LỤC

**Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên tại
cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có
khu công nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk**

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDMN ngày /10/2026 của Sở GDĐT)

**I. Bảng tổng hợp danh sách các khu công nghiệp đang hoạt động trên
địa bàn tỉnh**

STT	Tên Khu công nghiệp, địa chỉ	Số/ngày quyết định thành lập/hoạt động của cơ sở
I	Các KCN nằm trong Khu kinh tế Nam Phú Yên	
1	Khu công nghiệp Hòa Hiệp - GD1 Địa chỉ: Phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk	- QĐ phê duyệt quy hoạch: số 804/QĐ-BXD ngày 13/7/1999; QĐ 633/QĐ-UBND ngày 09/5/2024; - QĐ thành lập: số 702/QĐ-TTg ngày 11/8/1998
2	Khu công nghiệp Hòa Hiệp - GD2 Địa chỉ: Phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk	- Giấy CNĐKĐT: giấy CNĐT số 5838601338 ngày 30/8/2019; Giấy CNĐT số 5838601338 ngày 30/8/2019 (lần 2)
II	Các KCN nằm ngoài Khu kinh tế	
1	Khu công nghiệp An Phú Địa chỉ: Phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk	- QĐ phê duyệt quy hoạch: số 1581/QĐ-UBND ngày 25/8/2009; số 4667/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 - Giấy CNĐKĐT: Giấy CNĐT số 36241000011 ngày 05/9/2007
2	Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu - KV1 Địa chỉ: Xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk	- QĐ phê duyệt quy hoạch: số 1300/QĐ-UBND ngày 20/8/2008 - Giấy CNĐKĐT: giấy CNĐT số 36241000010 ngày 14/8/2007
3	Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu - KV2 Địa chỉ: Xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk	- QĐ phê duyệt quy hoạch: số 1465/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 - Quyết định thành lập: số 2032/QĐ-UBND ngày 26/10/2015
III	Khu công nghiệp Hòa Phú Địa chỉ: Xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk	- QĐ phê duyệt quy hoạch: số 718/QĐ-UBND ngày 05/4/2007

II. Dự kiến kinh phí hỗ trợ chi tiết theo các chế độ chính sách

1. Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

(Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định 105/2020/NĐ-CP)

STT	Xã/phường	Số cơ sở GDMN độc lập, tư thục có trẻ là con công nhân, người lao động theo học	Số trẻ là con công nhân, người lao động làm việc tại KCN đang theo học tại cơ sở
	Toàn tỉnh	112	926
1	Phường Bình Kiến	6	23
2	Phường Đông Hòa	10	40
3	Phường Hòa Hiệp	19	293
4	Phường Phú Yên	9	63
5	Phường Tuy Hòa	19	62
6	Phường Sông Cầu	5	10
7	Xã Sơn Thành	1	3
8	Xã Tuy An Bắc	1	9
9	Xã Xuân Cảnh	4	76
10	Xã Xuân Lộc	4	53
11	Phường Buôn Ma Thuật	8	27
12	Phường Tân An	3	17
13	Phường Ea Kao	2	5
14	Phường Tân Lập	1	1
15	Phường Thành Nhất	10	46
16	Xã Hòa Phú	10	198

- Số trẻ em mầm non thuộc đối tượng được hỗ trợ: 926 trẻ.

- Kinh phí dự kiến hỗ trợ:

926 trẻ x 160.000 đồng/trẻ/tháng x 9 tháng/năm học = 1.333.440.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

2. Chính sách hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tại tỉnh Đắk Lắk

(Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định 105/2020/NĐ-CP)

STT	Xã/phường	Số cơ sở GDMN độc lập, tư thục có GV thuộc đối tượng được hỗ trợ	Số nhóm/lớp có GV thuộc đối tượng được hỗ trợ	Số GV thuộc đối tượng được hỗ trợ
	Toàn tỉnh	11	18	34
1	Phường Hòa Hiệp	4	6	12
2	Xã Hòa Phú	6	10	20
3	Xã Xuân Lộc	1	1	2

- Số giáo viên mầm non thuộc đối tượng được hỗ trợ: 34 người.
- Kinh phí dự kiến hỗ trợ:

34 giáo viên x 800.000 đồng/tháng/giáo viên x 9 tháng/năm học = 244.800.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

3. Dự kiến tổng mức kinh phí hỗ trợ các chế độ chính sách theo dự thảo Nghị quyết trong 01 năm học

- Kinh phí hỗ trợ trẻ em mầm non là: 1.333.440.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ giáo viên mầm non là: 244.800.000 đồng.
- Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ trong 1 năm học là: 1.578.240.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).